

Số: /KH-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y, khóa 21
(TC-CNTY/K21), khóa học 2024 – 2026

- Tên ngành, nghề:** Chăn nuôi – thú y; **Mã ngành, nghề:** 5620120
- Trình độ đào tạo:** Trung cấp
- Đối tượng tuyển sinh:** Người tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

- Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:
 - + Vị trí, hình thái, cấu tạo, chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.
 - + Nguyên lý cấu tạo, quy trình sử dụng các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.
 - + Quy trình chuẩn bị thức ăn, nước uống và chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.
 - + Quy trình phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.
 - + Phương pháp khuyến cáo cho các hộ chăn nuôi về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.

4.2.2. Về kỹ năng

- Xác định được:
 - + Các nhóm thuốc, vắc xin thường dùng trong chăn nuôi thú y.
 - + Nguyên nhân của một số bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.
- Xây dựng được phác đồ điều trị những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.
- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

- Thực hiện được quy trình mổ khám, mổ giải phẫu, phát hiện được bệnh tích trong cơ thể vật nuôi.

- Lựa chọn được các nhóm thuốc, vaccin để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

- Sử dụng được các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

- Chuẩn bị được: Chuồng trại, thức ăn, nước uống cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Thực hiện được: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Chẩn đoán và điều trị được những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

4.3.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và các hộ chăn nuôi.

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.

- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thú y viên cơ sở.

- Kỹ thuật viên trong các công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi - thú y.

- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi - thú y.

- Có thể học liên thông lên trình độ Cao đẳng, Đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

6. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.545 giờ, 59 tín chỉ

- + Khối lượng các môn học chung: 255 giờ, 11 tín chỉ

- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.140 giờ, 48 tín chỉ

- + Khối lượng các mô đun tự chọn: 150 giờ, 06 tín chỉ

- + Khối lượng lý thuyết: 424 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập: 1.045 giờ;

Kiểm tra: 48 giờ

6.1. Tổng hợp các năng lực của nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hiểu biết các kiến thức về chính sách, pháp luật của Nhà nước
2	NLCB-02	Duy trì rèn luyện sức khỏe
3	NLCB-03	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
4	NLCB-04	Có kiến thức về an ninh quốc phòng

5	NLCB-05	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cơ bản
6	NLCB-06	Làm việc hiệu quả trong nhóm
7	NLCB-07	Có khả năng làm việc độc lập và giải quyết các công việc một cách chủ động
8	NLCB-08	Làm việc an toàn, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả
9	NLCB-09	Có trình độ chuyên môn nghề, có lòng yêu nghề, đáp ứng được với vị trí việc làm của nghề CNTY, trình độ trung cấp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, quản lý phòng dịch bệnh, thực hành nội, ngoại, sản khoa
2	NLCL-02	Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương
3	NLCL-03	Chuẩn bị được chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi và các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y
4	NLCL-04	Thực hiện được quy trình phòng bệnh đúng yêu cầu kỹ thuật đạt hiệu quả
5	NLCL-05	- Thực hiện được việc bảo quản tinh dịch, thụ tinh nhân tạo đạt yêu cầu kỹ thuật
6	NLCL-06	Thực hiện được các bước công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng các loại vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật
7	NLCL-07	Thực hiện tốt các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng, phi lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi
8	NLCL-08	Sử dụng thành thạo các loại vacxin, thuốc và hóa dược trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi
9	NLCL-09	Đề xuất được các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả cho vật nuôi
10	NLCL-10	Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.
11	NLCL-11	Thực hiện được quy trình trồng và chăm sóc được các loại cây thức ăn; cách sử dụng các loại thức ăn, phương pháp chế biến, bảo quản và quản lý thức ăn chăn nuôi.
12	NLCL-12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
13	NLCL-13	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên

14	NLCL-14	Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Thực hiện tốt và sử dụng được một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y
2	NLNC-02	Thực hiện được các bước công việc trong quy trình ấp trứng gia cầm nhân tạo đạt yêu cầu kỹ thuật
3	NLNC-03	Khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề

6.2. Nội dung chương trình

Mã MH/M Đ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, K iểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	48	1.140	294	817	29
II.1	Các môn học cơ sở	12	255	119	126	10
MH 07	Giải phẫu – sinh lý vật nuôi	3	60	30	28	2
MH 08	Dược lý thú y	3	60	28	30	2
MH 09	Chẩn đoán và điều trị học thú y	2	45	15	28	2
MH 10	Kỹ sinh trùng thú y	2	45	23	20	2
MH 11	Phòng và trị bệnh chung cho nhiều loài gia súc và người	2	45	23	20	2
II.2	Các mô đun chuyên ngành	30	885	175	691	19
MĐ 12	Thức ăn chăn nuôi	2	45	15	28	2
MĐ 13	Bệnh nội, ngoại, sản khoa	2	45	15	28	2
MĐ 14	Kỹ thuật truyền giống	2	45	15	28	2

MĐ 15	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở lợn	3	60	28	30	2
MĐ 16	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia cầm	4	120	30	86	4
MĐ 17	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia súc nhai lại	4	75	42	30	3
MĐ 18	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở chó, mèo	2	45	15	28	2
MĐ 19	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ngựa	2	45	15	28	2
MĐ 20	Thực tập tốt nghiệp	9	405	0	405	0
II. 3	<i>Các mô đun tự chọn</i>	6	150	52	64	6
MĐ 21	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ong mật	2	45	15	28	2
MĐ 22	Nông nghiệp hữu cơ	2	45	15	28	2
MĐ 23	Kỹ năng mềm	2	60	22	36	2
MĐ 24	Quản lý kinh tế hộ trang trại	2	60	28	30	2
MĐ 25	Cơ khí chăn nuôi	2	45	15	28	2
Tổng		59	1.545	440	1.029	48
Tỷ lệ (%)				28,5	66,6	

7. Thời gian thực hiện (như biểu sau):

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LỚP TRUNG CẤP NGHỀ CHĂN NUÔI - THÚ Y																																																																		
LỚP TC - CNTY/K21 (KHÓA HỌC 2024 - 2026)																																																																		
Năm học	Tháng	Tháng 7/2024	Tháng 8/2024					Tháng 9/2024					Tháng 10/2024					Tháng 11/2024					Tháng 12/2024					Tháng 01/2025					Tháng 2/2025					Tháng 3/2025					Tháng 4/2025					Tháng 5/2025					Tháng 6/2025					Tháng 7/2025								
	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52													
	Từ ngày đến ngày	29	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21													
	Lớp	Học kỳ I																									Học kỳ II																																							
2024 - 2025	TC- CNTY/K21	Khai giảng và sinh hoạt chính trị đầu khóa	Các môn chung, môn học mô đun kỹ thuật cơ sở; kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (Tối thiểu 15 tín chỉ, tối đa không quá 17 tín chỉ)																									Dự phòng	Các môn học chung, cơ sở, mô đun chuyên nghề kiểm tra kết thúc MH, MD					NGHỈ TẾT	Các môn chung, môn học mô đun kỹ thuật cơ sở, môn học mô đun chuyên nghề, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (Tối thiểu 15 tín chỉ, tối đa không quá 17 tín chỉ)																									NGHỈ HÈ & HỌC KỲ PHỤ						
	Tháng		Tháng 7/2025	Tháng 8/2025					Tháng 9/2025					Tháng 10/2025					Tháng 11/2025					Tháng 12/2025					Tháng 01/2026						Tháng 02/2026					Tháng 3/2026					Tháng 4/2026					Tháng 5/2026					Tháng 6/2025						Tháng 7, 8/2026					
	Tuần		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		26	27	28	29	30		31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52										
	Từ ngày đến ngày		28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12		19	26	2	9	16		23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20										
Lớp	HK III																									HK IV																														HỌC KỲ PHỤ XÉT TN VÀ BẾ GIẢNG										
2025 - 2026	TC- CNTY/K21	NGHỈ HÈ & HỌC KỲ PHỤ	Các môn chung, môn học mô đun kỹ thuật cơ sở, mô đun tự chọn, môn học mô đun chuyên nghề, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun																									Dự phòng	Các môn học mô đun chuyên nghề, tự chọn; kiểm tra kết thúc MH, MD					NGHỈ TẾT	Các môn học mô đun chuyên nghề, tự chọn; kiểm tra kết thúc MH, MD và Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm doanh nghiệp																															

8. Quyết định phê duyệt chương trình: Thực hiện theo Quyết định số 419/QĐ-CĐBK ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi – Thú y, trình độ Trung cấp (cập nhật, bổ sung năm 2024)./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Các phòng, khoa (t/h);
- Bộ môn Chăn nuôi – Thú y (Giang);
- Website;

Gửi bản giấy:

- Lưu VT, ĐT (Vân, Diệu, Chung).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Chu Thị Thủy